TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2024/HS-ST
Ngày 21 – 11 – 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mua - Cán bộ hưu trí huyện Tam Bình.

2. Ông Nguyễn Thành Luân – Nguyên Bí thư Huyện đoàn huyện Tam Bình.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Kim Huyền – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 96/2024/TLST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2024 đối với các bị cáo:

1/ Bùi Minh T, sinh ngày 15/12/1994 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn C và bà Trần Thị T1.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/8/2024 đến nay – có mặt tại phiên tòa.

2/ Huỳnh Cao M, sinh ngày 30/9/2006 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Lơ xe; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Trọng N và bà Phan Ngọc H.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Không.

Bị cáo tại ngoại – có mặt tại phiên tòa.

- *Đại diện hợp pháp của bị cáo Huỳnh Cao M*: Ông Huỳnh Trọng N, sinh năm 1981; nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (có mặt) và bà Phan Ngọc H, sinh năm 1988; nơi cư trú: Ấp I, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Cao M*: Ông Nguyễn Đức D, trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh V; địa chỉ: A N, Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Bị hại*: Ông Đặng Minh L, sinh năm 1979; nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1/ Ông Nguyễn Khánh T2, sinh năm 1980; nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

2/ Anh Hà Hoàng L1, sinh năm 1991; nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

3/ Anh Nguyễn Vũ L2, sinh năm 1994; nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ, ngày 28/5/2024 Bùi Minh T, Huỳnh Cao M, Hà Hoàng L1 và Võ Thành C1 đến nhà của anh Phạm Văn Bé H1, sinh năm: 1980 thuộc ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long để chơi game. Sau đó T và C1 đi vớt ốc. Khi đi ngang nhà của ông Đặng Minh L ngụ cùng ấp, Bùi Minh T nhìn thấy cây mai vàng không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp. Đến khoảng 01 giờ ngày 29/5/2024 T rủ M cùng đi lấy trộm cây mai vàng bán lấy tiền tiêu xài thì M đồng ý. Cả hai đi bộ đến nhà anh L dùng tay nhổ cây mai lên do cây mai nặng nên M đi về nhà anh B H1 dự định gặp L1 hỏi mượn xe mô tô mang biển số 64E1 – 572.41 để chở cây mai. Do không gặp L1, đồng thời thấy xe có sẵn chìa khóa nên M tự lấy xe. Khoảng 05 phút sau thì M điều khiển xe đến đậu ở cầu T, sau đó cả 02 khiêng cây mai lên lề lộ thì gặp L1 đang đi bộ đến. T kêu L1 khiêng phụ thì L1 nói *"thôi tao sợ bị bắt lắm"* nên L1 bỏ đi về. T và M khiêng cây mai đến cầu T để lên xe nhưng do cây mai nặng không để lên được và ngay dốc cầu có đèn sáng sợ bị phát hiện nên cả hai bỏ cây mai cặp chân cầu T rồi đi về. Trên đường về thì T nói với M "*bỏ cây mai đi"*, M nói "*công sức của hai anh em"* nên T và M quay lại cầu T lấy cây mai để lên xe. T điều khiển xe mô tô chở M ngồi phía sau ôm cây mai đem về cất giấu phía sau nhà T. Sau đó, M điều khiển xe trả cho L1.

Đến khoảng 17 giờ, ngày 29/5/2024 T gặp Nguyễn Vũ L2 nhờ L2 chạy xe chở cây mai đi bán. L2 hỏi *"mai của ai",* Bùi Minh T nói *"mai của nhà tao"* thì L2 đồng ý điều khiển xe mô tô biển số 64E1 – 631.60 đến nhà Bùi Minh T. Sau đó Bùi Minh T điều khiển xe mô tô biển số 64E1 – 631.60 chở L2 ngồi phía sau ôm cây mai đến nhà anh Nguyễn Khánh T2 thuộc ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long để bán cây mai. Nguyễn Khánh T2 nhìn thấy cây mai vàng có đặc điểm giống cây mai vàng tại nhà anh L (do trước đó anh Khánh T2 có hỏi mua nhưng anh L không bán) nên anh Nguyễn Khánh T2 gọi điện thoại báo cho anh L biết. Anh L đến nhà anh Nguyễn Khánh T2 kiểm tra thì đúng là cây mai vàng bị mất nên trình báo Công an xã M tiếp nhận.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) cây mai vàng có bề hoành gốc 45cm, chiều cao 70cm.

- 01 (một) xe mô tô biển số 64E1 – 572.41, nhãn hiệu BIZIL, đã qua sử dụng.

- 01 (một) xe mô tô biển số 64E1 – 631.60, nhãn hiệu Wave RSX, đã qua sử dụng.

Theo kết luận định giá tài sản số 23/KL.ĐGTS, ngày 05/7/2024 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự kết luận: 01 (một) cây mai vàng chiều cao 70cm, có bề hoành gốc 45cm có giá trị là: 2.600.000 đồng.

Xét thấy hành vi trộm cắp tài sản của Bùi Minh T và Huỳnh Cao M đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Bùi Minh T và Huỳnh Cao M về tội danh, điều khoản nêu trên.

Việc thu giữ tài liệu, đồ vật, xử lý vật chứng:

Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã thu giữ các vật chứng, tài liệu như đã nêu trên.

Sau khi định giá tài sản, xét thấy việc trả lại tài sản không làm ảnh hưởng đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra quyết định xử lý vật chứng: trả lại cho ông Đặng Minh L 01 (một) cây mai vàng có bề hoành gốc 45cm, chiều cao 70cm.

Đối với xe mô tô mang biển số 64E1 – 572.41 của anh Hà Hoàng L1 khi bị cáo M tự ý lấy để làm phương tiện chở tài sản trộm cắp, anh L1 không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại cho chủ sở hữu là có căn cứ.

Đối với xe mô tô mang biển số 64E1 – 631.60 của anh Nguyễn Vũ L2 khi bị cáo T kêu chở cây mai đi bán anh L2 không biết đây là tài sản trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại cho chủ sở hữu là có căn cứ.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Đặng Minh L đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự.

Tại Cáo trạng số: 98/CT-VKSTB ngày 14/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình đã truy tố bị cáo Bùi Minh T, Huỳnh Cao M về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Bùi Minh T, Huỳnh Cao M thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình truy tố các bị cáo là đúng hành vi, không oan, các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đối với anh Hà Hoàng L1, khi bị cáo M tự ý lấy xe mô tô mang biển số 64E1 – 572.41 để làm phương tiện trộm cắp tài sản thì anh L1 không biết và khi nhìn thấy bị cáo T và M đang thực hiện hiện hành vi trộm cắp tài sản thì anh L1 không tham gia. Vì vậy hành vi của Hà Hoàng L1 không đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và tội không tố giác tội phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 390 Bộ luật hình sự nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T không đề cặp xử lý.

Đối với anh Nguyễn Vũ L2, khi bị cáo T kêu chạy xe mô tô mang biển số 64E1 – 631.60 chở tài sản trộm cắp đi bán thì anh L2 không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không đề cặp xử lý là có căn cứ.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Bùi Minh T, Huỳnh Cao M về tội "Trộm cắp tài sản". Sau khi phân tích nguyên nhân, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân các bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng cho các bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố các bị cáo Bùi Minh T, Huỳnh Cao M phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Minh T mức án 09 (Chín) tháng đến 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 100 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Huỳnh Cao M mức án từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

- Ông Nguyễn Đức D bào chữa cho bị cáo Bùi Minh T trình bày quan điểm bảo vệ: Thống nhất tội danh và điều luật Viện kiểm sát truy tố và luận tội đối với bị cáo T. Tuy nhiên, cần xem xét các tình tiết như: bị cáo phạm tội do người khác rủ rê, không có sự phân công vai trò cụ thể, thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ tại các điểm b, i, s

khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên. Do đó, đề nghị xử phạt bị cáo T mức án 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ, miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản hỏi cung bị can, biên bản hiện trường cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa thể hiện: Vào khoảng 01 giờ ngày 29/5/2024, tại nhà của ông Đặng Minh L, sinh năm 1979, thuộc ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long các bị cáo Bùi Minh T và Huỳnh Cao M lợi dụng đêm khuya nên có hành vi lén lút lấy trộm 01 (Một) cây mai vàng có bề hoành gốc 45cm, chiều cao 70cm có giá trị là 2.600.000 đồng (Hai triệu sáu trăm ngàn đồng) nhằm mục đích bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Hành vi của các bị cáo Bùi Minh T và Huỳnh Cao M đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như truy tố của Viện kiểm sát là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật và có căn cứ.

[2.2] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bản thân các bị cáo là thanh niên có sức khỏe lại không chịu chí thú làm ăn. Các bị cáo với thái độ thích thụ hưởng, lười lao động để có tiền phục vụ tiêu xài cá nhân, các bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Do đó, cần xử lý các bị cáo một mức án nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội và ngăn chặn những trường hợp tương tự có thể xảy ra.

Đây là vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn, trong đó bị cáo T là người khởi xướng, rủ rê và thực hiện tội phạm. Bị cáo M là người thực hiện tội phạm.

[2.3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

[2.3.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo T phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[2.3.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiệm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Huỳnh Cao M được Ủy ban nhân dân huyện T tặng giấy khen vì có thành tích xuất sắc trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[2.4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu bồi thường gì nên không xem xét giải quyết.

[2.5] Xét lời bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

3. Về án phí sơ thẩm: Bị cáo T, M phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

1.1 Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Minh T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1.2 Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Bùi Minh T 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng.

Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (ngày 21/11/2024).

Giao người bị kết Bùi Minh T cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Hủy bỏ Quyết định tạm giam số 157/2024/HSST-QĐTG ngày 14/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long; trả tự do ngay cho bị cáo Bùi Minh T tại phiên tòa; nếu bị cáo T không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 36; điểm h, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 58; điều 90; Điều 91; Điều 100 của Bộ luật Hình sự.

2.1 Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Huỳnh Cao M phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2.2 Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Huỳnh Cao Minh X 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Huỳnh Cao M cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện T nhận được quyết định thi hành án.

1.3 Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Huỳnh Cao M.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu bồi thường gì nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Bùi Minh T, Huỳnh Cao M, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng hồ sơ – Công an tỉnh Vĩnh Long
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- CQĐT Công an huyện Tam Bình;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Long;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- UBND xã Mỹ Thạnh Trung, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thanh Thảo

- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.